TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH PT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2021
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH PT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lương Viết Tú**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**
Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Tấn** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLST- HNGĐ ngày 09/7/2021 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021. Giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1993.(Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn An Xuân 3, xã H, huyện Y, tỉnh Z.

Bị đơn: Anh **Đinh Văn T1**, sinh năm 1985. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 17, xã V, huyện TT, tỉnh PT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08/7/2021, được bổ sung bằng bản tự khai, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn T1 kết hôn với nhau ngày 05/9/2013, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Mao nay là xã V, huyện TT, tỉnh PT. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống. Hiện tại chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn An Xuân 3, xã H, huyện Y,

tỉnh Z sinh sống, hai bên đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị xác định vợ chồng tình cảm không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có một con chung là cháu Đinh Gia B, sinh ngày 25/6/2014, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung,về nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị xác định không có và không đề nghị giải quyết.

**** Tại bản tự khai Bị đơn là anh Đinh Văn T1 trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Về thủ tục kết hôn như chị T trình bày là đúng, sau khi kết hôn,vợ chồng anh chị chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do không hợp nhau. Nay chị T đề nghị ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh có một con chung là cháu Đinh Gia B, sinh ngày 25/6/2014, hiện đang ở cùng chị T. Nếu ly hôn, anh nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: anh xác định không có và không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thông báo cho các bên đến tham gia hòa giải tuy nhiên hai bên đều có đơn từ chối hòa giải, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Khoản 4, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T và anh T1 do điều kiện bận công việc, ở xa đi lại khó khăn nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX)tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn với nhau ngày 05/9/2013, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Mao nay là xã V, huyện TT, tỉnh PT đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã chấm dứt quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2020. Hiện tại chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã H, huyện Y, tỉnh Z sinh sống hai bên không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề

nghị được ly hôn anh T1. Quan điểm của anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên không hợp tác hòa giải, không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, vợ chồng đã sống ly thân được thời gian đã lâu. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị được ly hôn anh T1 là phù hợp tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Xét về con chung: Chị T và anh T1 có một con chung là cháu Đinh Gia B, sinh ngày 25/6/2014, hiện đang sống cùng chị T. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, anh T1 nhất trí.

Xét nguyện vọng, ý kiến của các bên, HĐXX thấy rằng hiện cháu B còn nhỏ rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, vì vậy cần giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: hai bên đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo Bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Đinh Văn T1.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Gia B, sinh ngày 25/6/2014 kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu B thành niên. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này do các bên không yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2019/0002804 ngày 09/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh PT.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lương Viết Tú